

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**

Ngày thi: **28/06/2022** Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A401**

Đ: 15

H: 6

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Mã nhận dạng: 002473

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Văn Hùng	Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Văn Hùng	G. Viên chấm thi 1 Nguyễn Văn Hùng	G. Viên chấm thi 2 Nguyễn Văn Hùng
--	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121110394	VĂN CÔNG THÁI AN	14/08/2002	CCQ21111C		174	<i>Thái An</i>	60	36	4.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2120170320	NGUYỄN HOÀNG BIỂU	28/10/2002	CCQ20171		251	<i>Biểu</i>	85	35	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2120170787	NGUYỄN CHÍ CÔNG	06/09/2002	CCQ2017M		327	<i>Chí Công</i>	72	73	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119050037	ĐÀO TẤN CƯỜNG	08/05/2001	CCQ1905B		496	<i>Cường</i>	70	50	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2120170109	TRƯƠNG NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	03/09/2002	CCQ2017D		174	<i>Quốc Cường</i>	92	39	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2118110178	VÕ SĨ CƯỜNG	18/09/2000	CCQ18111C		251	<i>Sĩ Cường</i>	90	32	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121180046	NGUYỄN HOÀN ĐIỀU	10/07/2003	CCQ21118B		327	<i>Điều</i>	98	22	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2119270106	LÊ QUỐC DUY	07/02/2001	CCQ1927D		327	<i>Duy</i>	84	36	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119120076	NGUYỄN LÊ HOÀNG ĐUY	28/03/2001	CCQ1912C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121120602	LÊ THỊ TRÚC ĐÀO	29/01/2003	CCQ2112R		327	<i>Trúc Đào</i>	10	63	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2118170095	VƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/07/2000	CCQ1817B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2118170174	TRƯƠNG PHONG HÀO	23/09/2000	CCQ1817C							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2120270077	TRẦN THỊ HẰNG	17/12/2002	CCQ2027C		327	<i>Hàng</i>	92	44	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2120140036	PHẠM QUANG HIẾU	18/01/2002	CCQ2014B		251	<i>Hieu</i>	60	21	3.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119050042	LÊ KHẮC HOÀN	10/03/2001	CCQ1905B		174	<i>Khắc Hoàn</i>	72	31	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2120170465	TRẦN QUỐC HOÀNG	05/06/2002	CCQ2017N		496	<i>Hoàng</i>	96	38	6.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2119100457	NGUYỄN NGỌC HUỖN	10/01/2001	CCQ1910N		174	<i>Huynh</i>	60	28	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121120229	ĐẶNG VĂN HÙNG	28/01/2001	CCQ2112G		251	<i>Hùng</i>		61	3.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2119200115	NGUYỄN HỮU HÙNG	27/02/2001	CCQ1920D		251	<i>Huu Hung</i>	30	25	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2119260051	TRẦN VIỆT HÙNG	12/04/2001	CCQ1926B		496	<i>Hùng</i>	75	21	4.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 01

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2

Ngày thi: 28/06/2022

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Mã nhận dạng: 002473

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050048	NGUYỄN HÙNG LÂM	21/04/2001	CCQ1905B		174	Lâm	87	25	5.0		
22	2120170541	NGUYỄN THÀNH LONG	13/10/2002	CCQ2017P								
23	2119260016	BÙI THỊ KIM LUYẾN	10/06/2001	CCQ1926A		327	Luyen	86	36	5.6		
24	2120270089	VÕ THỊ THUY NGÂN	27/10/2002	CCQ2027C		496	Ngan	96	37	6.1		
25	2120140019	NGUYỄN MINH NGHĨA	22/11/2001	CCQ2014A								
26	2120170298	VÕ TRUNG NGUYỄN	30/07/2001	CCQ2017I		174	Nguyen	10	22	5.3		

T. Thuận

18

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002474

Trang : 1/2

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 01
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 28/06/2022
Phòng thi: A405

Đ: 13
K: 8

Số SV có mặt: 21
Số bài thi: 21
Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119110223	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	08/12/2000	CCQ1911G		251		60	52	55		
2	2120270122	NGÔ TRẦN Ý NHI	24/06/2002	CCQ2027D		327	Nhi	10	33	60		
3	2120170299	LƯU HỮU NHẬT	02/09/2002	CCQ2017I								
4	2119110349	PHẠM VĂN DUY PHONG	02/04/2001	CCQ1923A		124	phong	70	36	50		
5	2120190081	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	21/06/2001	CCQ2019C		251		70	27	44		
6	2119270156	NGÔ VỸ PHƯƠNG	03/10/2001	CCQ1927E								
7	2120170335	NGUYỄN NHẬT QUANG	10/05/2002	CCQ2017I		496	car	92	12	44		
8	2118030316	LÊ VĂN QUỐC	29/08/2000	CCQ1803E				26				
9	2119100326	BÙI THỊ THÚY QUỲNH	20/12/1997	CCQ1910J		251	Quynh	10	86	92		
10	2119190089	LÊ NGỌC DIỄM QUỲNH	21/09/2001	CCQ1919C		327	Diem	90	63	74		
11	2120170301	TRƯƠNG CÔNG SON	13/11/2002	CCQ2017I		496	Son	96	34	59		
12	2119170022	PHẠM VŨ TẤN TÀI	22/05/2001	CCQ1917A		174	Tai	70	29	45		
13	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B		251	Tam	97	20	51		
14	2119120538	LÊ VĂN THÀNH	26/06/1998	CCQ1912O		327	Thanh	79	27	48		
15	2118170060	VÕ CÔNG THÀNH	25/08/2000	CCQ1817A		496	Thanh	73	27	45		
16	2119270094	BÙI THỊ HƯƠNG THẢO	10/12/2001	CCQ1927C								
17	2120130109	NGUYỄN MINH TIẾN	21/11/2000	CCQ2019D		251	Tien	95	72	81		
18	2120260208	NGUYỄN TRIỆU TỈNH	10/10/2002	CCQ2026F		327	Tien	93	40	61		
19	2119120237	HỒ THỊ THÙY TRANG	27/04/2001	CCQ1912G		496		60	22	37		
20	2119120575	NGUYỄN THỊ TRINH	17/09/2001	CCQ1912P		174	Trinh	65	50	56		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P. QLĐT mới được dự thi

In : 15/06/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002474

Trang : 2/2

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 01
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 28/06/2022
Phòng thi: A405

Số SV có mặt: 21
Số bài thi: 21
Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G. Viên chấm thi 1	G. Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119120136	NGUYỄN TIẾN THUẬN	10/10/2001	CCQ1912D		251	<i>[Signature]</i>	70	31	47	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2117170227	QUANG HOANG	14/08/1997	CCQ1717C		327	<i>[Signature]</i>	85	39	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121120350	NGUYỄN KHÁNH	10/12/2003	CCQ2112J		496	<i>[Signature]</i>	70	42	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2120170351	LÊ NGỌC	23/08/2002	CCQ2017J		174	<i>[Signature]</i>	95	23	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2119050069	PHAN THẾ	20/09/2001	CCQ1905B		251	<i>[Signature]</i>	70	23	42	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 02
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 28/06/2022
Phòng thi: A402

H: 21
T: 01

Số SV có mặt: 22
Số bài thi: 22
Số tờ giấy thi: 22

Mã nhận dạng: 002475

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <u>Luanh</u> Nguyễn Xuân Luan	Cán bộ coi thi 2 <u>Nguyễn Thị Cẩm Bình</u> Nguyễn Thị Cẩm Bình	G.Viên chấm thi 1 <u>Nguyễn Thị Cẩm Bình</u> Nguyễn Thị Cẩm Bình	G.Viên chấm thi 2 <u>Nguyễn Thị Cẩm Bình</u> Nguyễn Thị Cẩm Bình
--	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phái	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tổ đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120120036	NGUYỄN THỊ NGỌC	10/08/2001	CCQ2012B		231	<u>Cung</u>	6.4	58	60		
2	2119200241	HUYNH CHÍ	12/02/1999	CCQ1920H		307	<u>MD</u>	7.4	56	63		
3	2120200245	NGUYỄN MINH	06/06/2002	CCQ2020H		251	<u>Đức</u>	7.2	39	52		
4	2120170711	NGUYỄN ĐÌNH	12/01/2002	CCQ2017L								
5	2117220012	TỔ VĂN	02/12/1999	CCQ1722A								
6	2117070085	NGUYỄN MINH	18/02/1999	CCQ1707B								
7	2120170731	NGUYỄN QUANG	19/10/2002	CCQ2017O		327	<u>Long</u>	7.5	55	63		
8	2118170254	NGUYỄN VĂN	18/05/2000	CCQ1817Đ								
9	2121210117	TRẦN TRUNG	28/04/2002	CCQ2121D		296	<u>Hoang</u>	6.5	43	52		
10	2119050006	NGUYỄN ĐỨC	21/02/2001	CCQ1905A		174	<u>Long</u>	4.0	69	57		
11	2120200246	NGUYỄN HỒNG	09/07/2002	CCQ2020H								
12	2118170572	MAI TUẤN	27/05/2000	CCQ1817H								
13	2120120081	PHÙNG VĂN	04/10/2002	CCQ2012C								
14	2120200260	NGUYỄN THỊ THANH	15/08/2002	CCQ2020H		496	<u>Nguyen</u>	6.8	43	53		
15	2118120803	LÊ YẾN	18/11/1998	CCQ1812LA		174	<u>22</u>	8.6	90	88		
16	2120170505	LÊ VĂN	30/12/2002	CCQ2017O		251	<u>Nhanh</u>	7.6	68	71		
17	2121120611	NGUYỄN THỊ YẾN	12/11/2003	CCQ2112R		174	<u>Nhanh</u>	8.5	95	91		
18	2119220008	HÀ VĂN	29/12/2001	CCQ1922A		196	<u>Nhanh</u>	8.9	88	85		
19	2120030058	PHAN THANH	01/02/2002	CCQ2003B		174	<u>Đức</u>	5.4	58	56		
20	2121190163	NGUYỄN THỊ NGỌC	14/03/2003	CCQ2119A								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Anh văn cơ bản (224103) - Nhóm 02
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 28/06/2022
Phòng thi: A402

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 002475

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G. Viên chấm thi 1 	G. Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	------------------------	------------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121260124	PHẠM NGUYỄN MỸ QUYNH	25/05/2003	CCQ2126D								
22	2119050131	TRẦN NGỌC SINH	15/09/2001	CCQ1905D		496	Sinh	6.4	48	54		
23	2118110148	DƯƠNG VĂN SÓM	20/02/2000	CCQ1811B		251	Som	6.3	38	48		
24	2120110386	BÙI NGỌC SON	28/03/2001	CCQ2011J								
25	2118210183	VŨ PHÚC HOÀI TÂM	02/11/2000	CCQ1821C		521	Tam	7.3	58	64		
26	2120170340	NGUYỄN NAM TÂN	22/07/2002	CCQ2017J		327	Tan	6.2	50	55		
27	2120170752	TRẦN THANH THÁNH	22/11/2002	CCQ2017B		251	Thanh	7.9	71	74		
28	2119270230	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	29/11/2001	CCQ1927G		327	Thang	7.6	62	68		
29	2118120807	MAI THỊ THOM	02/08/2000	CCQ1812LA		151	Thom	9.2	92	92		
30	2118270062	MAI THANH THỦY	25/04/1999	CCQ1827A		327	Thuy	7.9	65	71		
31	2119190129	TRẦN TRINH LAM TRƯỜNG	15/05/1999	CCQ1919D		321	Lam	6.1	44	51		
32	2119120137	THÁI QUỐC TUẤN	07/07/2001	CCQ1912B								
33	2121120652	NGUYỄN THÀNH VINH	26/01/2001	CCQ2112C		496	Vinh	7.0	53	60		
34	2118270344	VŨ QUANG VINH	17/08/1999	CCQ1827A								
35	2119200069	BÙI NGUYỄN ANH VY	12/04/2001	CCQ1920B								
36	2118120613	TRẦN VĂN YẾN	02/02/2000	CCQ1817H								